

Số : 365 /QĐ-VLB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai xét duyet quyết toán ngân sách năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VINH LỘC B

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4581/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh điều 2 Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2021 – 2023 đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Trường Trung học phổ thông Vinh Lộc B;

Căn cứ thông báo số 3375_104/TB-SGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2023 Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán tài vụ và các tập thể có tên nơi điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

-Như điều 1

-Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phùng Hữu Quang

Số: 3375₋₁₀₄ /TB-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022

Đơn vị được thông báo: Trường THPT Vĩnh Lộc B

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1120603

Mã chương: Chương 422 – Loại 070 – Khoản 074

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét _duyet, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm 2022;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Vĩnh Lộc B và biên bản xét duyệt quyết toán năm 2022 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Trường THPT Vĩnh Lộc B;

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Trường THPT Vĩnh Lộc B như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí:

- | | |
|-----------------------------------|--------|
| - Tổng số thu trong năm: | 0 đồng |
| - Số phải nộp ngân sách nhà nước: | 0 đồng |
| - Số phí được khấu trừ, để lại: | 0 đồng |

b) Quyết toán chi ngân sách:

- | | |
|--|--------------------------------|
| - Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: | 783.612.358 đồng |
| - Dự toán được giao trong năm: | 14.471.364.000 đồng, trong đó: |
| + Dự toán giao đầu năm: | 11.276.066.000 đồng |
| + Dự toán bổ sung trong năm: | 3.195.298.000 đồng |
| - Kinh phí thực nhận trong năm: | 14.349.788.683 đồng |
| - Kinh phí quyết toán: | 14.349.788.683 đồng |
| - Kinh phí giảm trong năm: | 227.331.675 đồng |
| - Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: | 677.856.000 đồng, bao gồm: |
| + Kinh phí đã nhận: | 0 đồng |
| + Dự toán còn dư ở Kho bạc: | 677.856.000 đồng |

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- | | |
|-----------------------------------|--------|
| - Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: | 0 đồng |
| - Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: | 0 đồng |

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN:

0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

- Kinh phí giảm trong năm 2022 số tiền 0 đồng bao gồm kinh phí phải nộp NSNN theo kiến nghị của KTTN 0 đồng và kinh phí tiết kiệm 10% kinh phí thường xuyên 0 đồng.

- Kinh phí bị hủy năm 2022 số tiền 227.331.675 đồng là kinh phí không thường xuyên chưa thực hiện.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 1.352.974.496 đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng

- Trích lập các Quỹ: 490.936.883 đồng

- Kinh phí cải cách tiền lương: 862.037.613 đồng

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: đúng thời hạn.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: đúng mẫu theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Kiến nghị:

- Theo nội dung kiến nghị tại biên bản xét duyệt quyết toán năm 2022. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC (Nh).



Lê Hoài Nam

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THPT VINH LỘC B

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 3375_104/TB-SGDĐT ngày 26/06/2023 của Sở Giáo Dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	14.350	14.350	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.350	14.350		

1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.350	14.350	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.137	8.137	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.213	6.213	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				

2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng



Phùng Hữu Quang

QUẬN VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH